**Đề 1- Lớp 9**

25 câu – 10 điểm

 **Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng**

Câu 1. Oxit nào sau đây tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ.

A. Fe2O3. B. MgO C. CuO. D. K2O.

Câu 2.

Câu 2 . Để phân biệt hai dung dịch Na2SO4 và Na2CO3 , người ta dùng:

A. Pb(NO3)2. B. BaCl2 C. NaOH. D. HCl.

Câu 1: Dãy kim loại được xếp theo chiều tính kim loại tăng dần là:

A- K, Na, Al, Fe. C. Cu, Zn, Fe, Mg

B- Fe, Mg, Na, K. D- Ag, Cu, Al, Fe.

Câu 2: Cặp kim loại đều phản ứng với nước ở nhiệt độ thường là:

A- Na, Al B- K, Na C- Al, Cu D- Mg, K.

Câu 3: Dung dịch FeSO4 có lẫn tạp chất CuSO4 phải dùng chất nào dưới đây để có thể loại bỏ tạp chất?

A. Bột Fe dư B- Bột Al C- Bột Cu dư D- Kim loại Na

Câu 4: Trong các kim loại sau: đồng, kẽm, sắt, bạc. Kim loại nào dẫn điện tốt nhất?

A- Đồng B- Kẽm C- Sắt D- Bạc

Câu 5: Quặng boxit có chứa:

A- SiO2 B- Al2O3 C- Fe2O3 D- Fe3O4

Câu 6: Có 1 tấm kim loại đồng bị bám 1 ít sắt trên bề mặt. Có thể dùng chất lỏng nào trong số các chất sau để làm sạch lớp bột sắt đó?

A- Nước C- Dung dịch NaOH

B- Dung dịch HCl D- Dung dịch AlCl3

Câu 7: Cho 20 g hỗn hợp Fe và Mg tác dụng hết với dung dịch HCl thấy có 11,2 lít khí thát ra( ở đktc). Nếu đem cô cạn dung dịch thì lượng muối khan thu được là:

A- 52,5 g B- 60 g C- 56,4 g D- 55,5 g

Câu 8:Cặp kim loại đều có khả năng đẩy Cu ra khỏi dung dịch muối CuCl2:

A. Ag và Al. C. Mg và Hg.

B. Fe và Mg. D. Fe và Ag.

Câu 9: Có dung dịch muối AlCl3 lẫn CuCl2, dùng chất nào sau đây làm sạch muối nhôm?

A. Dung dịch NaOH. C. Kim loại Mg.

B. Dung dịch HCl. D. Kim loại Al.

Câu 10:Có một hỗn hợp Al2O3 và Fe2O3, để tách Fe2O3 ra khỏi hỗn hợp người ta dùng:

A*.* Dung dịch HCl. C. Dung dịch NaOH.

B. Dung dịch AgNO3. D. Dung dịch NaCl.

Câu 11:Kim loại nhôm bền trong không khí vì:

A. Nhôm đứng trước H trong dãy hoạt động hóa học.

B. Có lớp oxit trên bề mặt nhôm.

C. Nhôm là kim loại dẻo.

D. Nhôm không tan trong dung dịch kiềm*.*

Câu 12: Nguyên liệu để sản xuất nhôm trong công nghiệp là:

A. Phèn chua có chứa nhôm. C. Quặng bôxit.

B. Dung dịch AlCl3. D. Quặng pirit sắt.

Câu 13:Sắt phản ứng được với tất cả các chất nào trong dãy sau đây?

A. O2, H2SO4, HNO3 đặc, nguội. C. Cl2, S, dung dịch Cu(NO3)2.

B. O2, H2SO4, ZnCl2 D. Al2O3, HCl, NaOH.

Câu 14:Nhóm các kim loại đề tác dụng với dung dịch HCl tạo muối và giải phóng H2

A- Mg, Fe, Ba, Al C. Ca, Mg, Ag, Fe.

B. Mg, Fe, Cu, Al. D. Ba, Ca, Cu, Al.

Câu 15:Tính chất vật lí chung của kim loại là:

A. Tính dẻo, tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt và có ánh kim.

B. Tính dẻo, tính cứng, tính dẫn điện và nhiệt.

C. Tính dẻo, có ánh kim và cứng.

D. Tính dẻo, có ánh kim và khối lượng riêng lớn.

Câu 16:Đốt 7 g bột sắt trong khí clo, cho toàn bộ sản phẩm thu được sau phản ứng vào dung dịch HCl dư thu được 2,24 lít khí hiđro. Khối lượng sắt đã cháy trong khí clo là:

A. 2 g B. 2,8 g C. 1,4 g D. 5,6 g

Câu 17:Đốt hỗn hợp gồm 2,8 g bột sắt với 2 g bột lưu huỳnh, khối lượng muối sắt thu được sau phản ứng là:

A. 5,5 g B. 4,8 g C. 4,2 g D. 4,4 g.

Câu 18: Ngâm hỗn hợp Al, Fe, Cu, Ag, Zn trong dung dịch H2SO4 loãng dư thấy còn lại chất rắn X. Chất rắn X chứa:

A. 1 kim loại. B. 2 kim loại. C. 3 kim loại. D. 4 kim loại.

Câu 19: Cho hợp kim gồm Al, Fe, Mg, Cu hòa tan trong dung dịch NaOH dư, sau khi kết thúc phản ứng, chất rắn còn lại gồm:

A. 1 kim loại. B. 2 kim loại. C. 3 kim loại. D. 4 kim loại.

Câu 20: Thể tích dung dịch HCl 1 M cần hòa tan vừa đủ 1,12 g sắt là:

A. 20ml. B. 40ml. C. 60ml. D. 80ml.

( Biết: Fe= 56, Mg = 24; Cl = 35,5; H = 1; S = 32)

 **Hướng dẫn chấm - biểu điểm**

Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm

 1-B 2- B 3- A 4- D 5- B 6- B 7- D 8- B 9- A 10- C

11- B 12- C 13- C 14 - A 15- A 16- C 17- D 18- B 19- C 20 - B.

 **BÀI SỐ 3**

 **ĐỀ SỐ 1- LỚP 9A**

**Câu 1( 7điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng

**1.** Silic đioxit là:

 A. Oxit bazơ B. Oxit axit C. Oxit lưỡng tính

D. Oxit trung tính

**2.** Khi nhỏ dung dịch Na2CO3 vào ống nghiệm có sẵn dung dịch CaCl2 , hiện tượng quan sát được :

 A. Xuất hiện kết tủa trắng

 B. Có bọt khí thoát ra

C. có kết tủa nâu đỏ

 D. Không có hiện tượng gì

**3.** Thành phần chính của xi măng là:

 A. Hỗn hợp gồm Natri silicat và Canxi silicat

 B. Silic đioxit , Natri sufit

 C. Canxi silicat và canxi aluminat

**4.** Bảng tuần hoàn gồm :

 A. 5 chu kì B. 6 chu kì C. 7 chu kì D. 8 chu kì

**5.** Chu kì 1 gồm:

 A. 2 nguyên tố B. 4 nguyên tố C. 8 nguyên tố D. 16 nguyên tố

**6.** Ứng dụng của CO2:

 A. Để chữa cháy, bảo quản thực phẩm

 B. Dùng trong sản xuất nước giải khát có gaz, sản xuất sođa, phân đạm

 C. Cả A và B

**7.** Ô nguyên tố số 12 cho biết:

 A.Số hiệu nguyên tử là12 , kí hiệu hoá học Mg

 B. Tên nguyên tố Magie , nguyên tử khối 24

 C. Cả A và B

**8.** Chu kì 4, 5, 6, 7 được gọi là:

 A. Chu kì nhỏ B. Chu kì lớn C. Nhóm

**9.** Ô nguyên tố cho biết:

A. Số hiệu nguyên tử, kí hiệu hoá học

B. Tên nguyên tố, nguyên tử khối

C. Cả A và B

**10.** Trong một chu kì:

A. Tính kim loại của các nguyên tố giảm dần, đồng thời tính phi kim của các nguyên tố tăng dần.

B. Tính kim loại của các nguyên tố tăng dần, đồng thời tính phi kim của các nguyên tố giảm dần.

C. Tính kim loại của các nguyên tố giảm dần, đồng thời tính phi kim của các nguyên tố giảm dần.

**11.** Dãy các đơn chất được xếp theo chiều hoạt động hoá học tăng dần là:

A. F2, Cl2, Br2, I2 C. F2, Cl2, I2, Br2

B. I2, Br2, Cl2, F2 D. F2, I2, Br2, Cl2

**12.** Dãy các đơn chất được xếp theo chiều hoạt động hoá học tăng dần là:

A. F2, Cl2, Br2, I2 C. F2, Cl2, I2, Br2

B. I2, Br2, Cl2, F2 D. F2, I2, Br2, Cl2

**12.** Dãy các đơn chất có tính chất hoá học tương tự clo là:

A. N2, O2, F2 C. S, O2, F2

B. F2, Br2, I2 D. Br2, O2, S

**14.** Cho 1,06 gam muối cacbonat kim loại hoá trị I tác dụng hết với dung dịch HCl thấy thoát ra 0,44 gam CO2 . Công thức phân tử của muối cacbonat là:

A. Na2CO3 C. MgCO3

B. K2CO3 D. CaCO3

**Câu 2(3 điểm)**

Hãy chọn công thức và hệ số thích hợp để hoàn thành các phương trình hoá học sau:

 … NaHCO3 + Ca(OH)2 → … + … + … H2O

 … NaHCO3  … + … + H2O

 SiO2 + …  Na2SiO3 + …

 **ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM**

**Câu 1( 7điểm)**

Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm

1 - B 8 - B

2 - A 9 - C

3 - C 10 - A

4 - B 11 - B

5 - A 12 - B

6 - C 13 - C

7 - C 14 - A

**Câu 2(3 điểm)**

 2NaHCO3 + Ca(OH)2  Na2CO3  + CaCO3  + 2H2O 1đ

 2NaHCO3  Na2CO3  + CO2 + H2O 1đ

 SiO2 + 2NaOH  Na2SiO3 + H2O 1đ

 **BÀI SỐ 4**

 **ĐỀ 1- Lớp 9A**

**Câu 1** : Đâu là công thức phân tử của rượu etylic ?

 A. CH4 B. C2H6O C. C2H4O D. C3H8O

**Câu 2** : Phản ứng hoá học đặc trưng của rượu etylic

 A. Thế với Na B. cộng C. trùng hợp D. cháy

**Câu 3**. Trong các phân tử CH4, C2H5OH, C2H4O2, C6H12O6 phân tử nào có nhóm COOH

 A. CH4 B. C2H5OH C. C2H4O2 D. C6H12H6

**Câu 4** : Các phân tử hợp chất hữu cơ có thể có cấu tạo mạch cacbon là :

 A. mạch thẳng B. mạch vòng C. mạch nhánh D. cảc ba loại mạch trên

**Câu 5** : Rượu etylic và axit axetic đều tác dụng với

 A. Na B. Muối C. Bazo D. oxit

**Câu 6** : Nhận biết glucozo bằng phản ứng

A. Lên men rượu B. Thủy phân C. tác dụng với NaOH D. tráng gương

**Câu 7** : Hai dung dịch không màu mất nhãn gồm rượu etylic và dầu ăn. Nhận biết bằng

 A. quỳ tím B. axit C. Bazo D. Na

**Câu 8** : Để phân biệt 2 dung dịch glucozo và rượu etylic ta dùng:

 A. quỳ tím B. Na C. tráng gương D. lên men rượu

**Câu 9** : Trong các hiđrocacbon CH4, C2H4, C2H2, C6H6 chất được dùng để sản xuất nhựa PE là :

 A. CH4 B. C2H4 C. C2H2 D. C6H6

**Câu 10** : Nguyên liệu để sản xuất rượu etylic là

 A. tinh bột B. etylen C. axit axetic D. cả a và b

 **§¸p ¸n**

 **đề 1- lớp 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **b** | **a** | **c** | **d** | **a** | **d** | **d** | **c** | **b** | **d** |